

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ.ST
Ngày: 13 – 01 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tòng
2. Ông Trần Ngọc Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1988 (có mặt); địa chỉ: Tổ 03, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1983 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ 03, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/11/2021, biên bản hòa giải ngày 13/12/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và Huỳnh Văn B qua tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2006, sau khi kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 06/6/2007. Vợ chồng có con chung tên Huỳnh Thị Cẩm V (sinh ngày 09/8/2007) hiện

đang sống chung với cha. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, hiện mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ly thân khoản từ năm 2019 cho đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: được ly hôn với anh Huỳnh Văn B. Về con chung: Huỳnh Thị Cẩm V (sinh ngày 09/8/2007) đồng ý để anh Bình tiếp tục nuôi dưỡng, chị chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2021, bị đơn anh Huỳnh Văn B trình bày:* Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị L khai về thời gian kết hôn, về con chung, về tài sản là đúng. Anh thống nhất theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, đồng ý ly hôn với chị L và tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng (*anh Bình tự ý bỏ về không lý tên vào biên bản nên hòa giải đoàn tụ không thành*). Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định: Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã lâu, do anh B tính cách gia trưởng, quản lý chi tiêu tiền bạc trong gia đình, khó khăn trong việc ngăn cản chị về chăm sóc khi cha mẹ chị ốm đau và hiện nay anh B có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân gần 03 năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xác định từ lúc ly thân, con chung do anh B trực tiếp chăm sóc, hiện cháu V vẫn được đến trường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn B, anh B có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh Huỳnh Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 28/12/2021, ngày 13/01/2022 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh B là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét chị Liễu và anh B, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách anh B gia trưởng, mâu thuẫn trong việc quản lý chi tiêu, vợ chồng ly thân đã lâu, từ lúc ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng nên tình cảm không thể hàn gắn, việc tiếp tục sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị L được ly hôn với anh B là có căn cứ.

[3] Xét về con chung: Huỳnh Thị Cẩm V (sinh ngày 09/8/2007), hiện đang chung sống với cha từ lúc cha mẹ ly thân, cuộc sống đã ổn định, chị L đồng ý để anh B tiếp tục chăm sóc cháu V, cháu V có nguyện vọng tiếp tục sống chung với cha; anh B đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Anh B không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung: Chị L và anh B không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1.1. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

1.2. Về con chung: Công nhận cho anh Huỳnh Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng, con chung tên Huỳnh Thị Cẩm V (sinh ngày 09/8/2007), chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0013314 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Thành Trung,
(h.Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Mười Hai